TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 356/2018/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 18 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Quang Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Chuy** và **Nguyễn Xuân Lập**

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 59, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 792/2017 /TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2017

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị T** - sinh ngày: 17/02/1974;

Địa chỉ cư trú: Tổ 5b, khu 10, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện tại: Số 5, phố Đỗ Hành, phường Q, quận B, TP Hà Nội

- Bị đơn: anh **Đặng Văn N** - sinh ngày: 23/12/1972

Địa chỉ cư trú: Tổ 5b, khu 10, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ **Ngân hàng TMCP công thương Quảng Ninh - Phòng giao dịch L**

Địa chỉ: Phường L, TP H; Người đại diện: ông Lê Văn A - trưởng phòng giao dịch

+ Anh **Nguyễn Văn B1** - sinh ngày: 10/6/1976; Địa chỉ: Đội 5, thôn Giữa, xã D, huyện K, tỉnh Quảng Ninh

+ Anh **Vũ Ngọc D1 (tức C)** - Sinh ngày: 12/12/1972; ĐKNKTT: Tổ 4, khu 1b, phường H1, TP H; Chỗ ở hiện tại: Tổ 23, khu 2, Phường X, TP H.

+ Anh **Đào Trọng H2** - sinh ngày: 25/11/1976; Địa chỉ cư trú: Tổ 9, khu 3, Phường H1, TP H.

+ Anh **Phạm Văn T1** - Sinh ngày: 08/12/1984; Địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu 4a, Phường H1, TP H

+ Anh **Nguyễn Văn Đ1** - Sinh ngày: 10/5/1979; Địa chỉ cư trú: Xóm 9, thôn Phạm Ry, xã H2, huyện H3, tỉnh Nam Định.

+ Anh **Phạm Văn Đ2** - Sinh ngày 22/8/1969 - là giám đốc công ty TNHH 1TV S - Địa chỉ: Số nhà 500, đường Nguyễn Văn Cừ, tổ 6, khu 7, phường H1, TP H.

+ Anh **Trần Quang Ân (tức Võ)** - Sinh ngày: 04/6/1968; Địa chỉ cư trú: Tổ 9, khu 4, phường Đ, TP H.

+ Chú **Hoàng Anh S** - Sinh ngày: 05/01/1947; Địa chỉ cư trú: Tổ 6, khu 8, phường H1, TP H.

+ Anh **Phạm Văn T3** - Sinh ngày: 23/10/1974; ĐKNKTT: Tổ 7, khu 7, phường Y, TP H; Chỗ ở hiện tại: tổ 58, khu 6b, phường K, TP H

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn N thuận tình ly hôn

- Về con chung: Chị T và anh N có 03 con chung là cháu Đặng Thị M - sinh ngày 06/02/1993, cháu Đặng Thị Minh G - sinh ngày 01/7/1999 và cháu Đặng Đức L - sinh ngày: 11/7/2004. Cháu M và cháu G đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Cháu L do anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng cấp dưỡng. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung gồm:

+ 01 nhà cấp 4 trên diện tích đất 145m2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đặng Văn N số vào sổ cấp 692, tại địa chỉ: đội 2, thôn Bắc, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương - trị giá 500.000.000đ

+ 01 mảnh đất rộng 112,5m2 có GCNQSDĐ số AG 148717 mang tên Đặng Văn N và Nguyễn Thị T, tại thôn Thượng Đỗ, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương - trị giá 1.500.000.000đ

+ 01 ngôi nhà 04 tầng tại Tổ 5b, khu 10, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh có GCNQSDĐ số BI 943352 mang tên Đặng Văn N và Nguyễn Thị T - trị giá 3.500.000.000đ.

+ 01 mảnh đất 78m2, tại địa chỉ: Lô 4, ô 19, khu tập thể quân chủng Hải Quân, phường U, TP H có GCNQSDĐ số BR 074956 mang tên Đặng Văn N và Nguyễn Thị T - trị giá 550.000.000đ

Vợ chồng còn khoản nợ chung:

+ Nợ anh Nguyễn Văn B - sinh năm 1976, địa chỉ: Đội 5, thôn Giữa, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương số tiền 1.375.000.000đ

+ Nợ ngân hàng Vietinbank Quảng Ninh, phòng giao dịch Hà Lầm số tiền 121.585.000đ

+ Nợ anh Vũ Ngọc D (tức C) - ĐKNKTT: Tổ 4, khu 1b, phường H1, TP H, Chỗ ở hiện tại: Tổ 23, khu 2, Phường C, TP H số tiền 150.000.000đ

+ Nợ anh Đào Trọng H - địa chỉ: Tổ 9, khu 3, Phường H1, TP H số tiền 70.000.000đ

+ Nợ anh Phạm Văn T1 - địa chỉ: Tổ 1, khu 4a, Phường H1, TP H số tiền 570.000.000đ

+ Nợ anh Nguyễn Văn Đ1 - địa chỉ: Xóm 9, thôn Phạm Ry, xã H2, huyện H3, tỉnh Nam Định số tiền 120.000.000đ

+ Nợ anh Phạm Văn Đ2 là giám đốc công ty TNHH 1TV S - địa chỉ: Số nhà 500, đường Nguyễn Văn Cừ, tổ 6, khu 7, phường H1, TP H số tiền 270.000.000đ

+ Nợ anh Trần Quang Â (tức V) - địa chỉ: Tổ 9, khu 4, phường Trần Hưng Đạo, TP H số tiền 540.000.000đ

+ Nợ chú Hoàng Anh S - địa chỉ: Tổ 6, khu 8, phường H1, TP H số tiền 400.000.000đ

+ Nợ anh Phạm Văn T3 - ĐKNKTT: Tổ 7, khu 7, phường Y, TP H; Chỗ ở

hiện tại: tổ 58, khu 6b, phường K, TP H số tiền 550.000.000đ

Anh Đặng Văn N được sở hữu 01 nhà cấp 4 trên diện tích đất 145m2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đặng Văn N số vào sổ cấp 692, tại địa chỉ: đội 2, thôn Bắc, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương - trị giá 500.000.000đ và 01 ngôi nhà 04 tầng tại Tổ 5b, khu 10, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh có GCNQSDĐ số BI 943352 - trị giá 3.500.000.000đ .

Anh Đặng Văn N có trách nhiệm trả nợ trả nợ cho Ngân hàng Vietinbank Quảng Ninh, phòng giao dịch L và các anh Vũ Ngọc D (tức C), Phạm Văn T3, Trần Quang Â (tức V), Hoàng Anh S, Phạm Văn Đ2, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn Đ1, Đào Trọng H2 khi các khoản nợ đến hạn phải trả hoặc khi các chủ nợ yêu cầu trả nợ.

Chị Nguyễn Thị T được quyền sở hữu 01 mảnh đất rộng 112,5m2 có GCNQSDĐ số AG 148717, tại thôn Thượng Đỗ, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương - trị giá 1.500.000.000đ và 01 mảnh đất 78m2, tại địa chỉ: Lô 4, ô 19, khu tập thể quân chủng Hải Quân, phường U, TP H có GCNQSDĐ số BR 074956 - trị giá 550.000.000đ . Chị T có trách nhiệm trả nợ cho anh Nguyễn Văn B khi anh B có yêu cầu trả nợ.

Anh N phải trả lại tiền trênh lệch tài sản cho chị T số tiền 150.000.000đ.

- Về án phí: Anh Đặng Văn N phải chịu 75.000đ án phí ly hôn và 21.876.000đ án phí chia tài sản chung. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 75.000đ án phí ly hôn và 18.375.000đ án phí chia tài sản chung được trừ đi số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp, trả lại cho chị T số tiền 23.450.000đ (theo biên lai số 0002290, ngày 04/12/2017 của chi cục thi hành án dân sự TP H)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP H;
- UBND xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Vinh